

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 98/2020/HS-ST
Ngày 27-5-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ái;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tý và ông Lê Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quý Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Quách Th, sinh năm 1953, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 39, đường HVL, Khu phố 3, phường TT, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh (đã bán nhà đi khỏi địa phương từ tháng 8/2008 và đi đâu không rõ); nơi ở: Nhà số C4/5A/20B, Tổ 9, Khu phố 3, thị trấn TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (không có đăng ký tạm trú); nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách N (chết) và bà Võ Thị T (chết); có chồng và 01 con sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt truy nã lúc 10 giờ 30 phút ngày 22-8-2019, trả tự do lúc 20 giờ ngày 22-8-2019 và áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30-8-2019; bị cáo tại ngoại “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lý Thị U, sinh năm: 1958; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 24B, Đường Số MB, Khu phố 2, phường ALA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh “xin vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2008 (không rõ ngày, tháng), Quách Th có quen biết với tên Nguyễn Thị H (tên gọi khác là H và không rõ lai lịch) làm môi giới nhà đất. Vào tháng 4/2019, tên H biết Th đang cần tiền để trả nợ nên kêu Th lấy bản photo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thật của nhà Th, số 85/16 ADV, khu phố 4, phường AL, quận BT (gọi tắt là Giấy chứng nhận) đưa cho tên H

nhờ người khác làm giả giống như Giấy chứng nhận thật với giá là 15.000.000 đồng để dùng thế chấp vay tiền thì Th đồng ý thực hiện theo lời của tên H. Đến ngày 03/5/2009, có được Giấy chứng nhận giả, tên H giới thiệu Th đến gặp bà Lý Thị U thế chấp vay của bà U số tiền 70.000.000 đồng với lãi suất 6%/tháng rồi trả tiền môi giới cho tên H hết 7.000.000 đồng nhưng vài ngày sau thì Th đã trả hết số nợ này cho bà U. Đến ngày 21/5/2009, Th tiếp tục dùng Giấy chứng nhận giả vay lại của bà U số tiền 80.000.000 đồng với lãi suất 6%/tháng và thời hạn vay là 03 tháng; sau đó vào ngày 17/6/2009, Th vay thêm số tiền 20.000.000 đồng (tổng cộng là 100.000.000 đồng). Đến hạn nhưng không thấy Th đến trả nợ vay để nhận lại giấy tờ nhà đất nên bà U mang Giấy chứng nhận của Th đã thế chấp đến Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất quận Bình Tân để nhờ xem giả hay thật. Do nghi vấn là Giấy chứng nhận giả nên nơi đây đã thông báo cho Công an phường An Lạc biết phối hợp giải quyết. Sau khi tiếp nhận sự việc, Công an phường An Lạc đã chuyển cho Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Trong quá trình điều tra đã xác định được, ngày 25/9/2009 Thạch đã bán căn nhà số 85/16 ADV, khu phố 4, phường AL, quận BT cho anh Nguyễn Mạnh H có công chứng tại Phòng Công chứng Số 2 và sau đó có biến động sang tên cho ông Đỗ T.

Đến ngày 10/01/2013, Cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án và ngày 07/3/2013, khởi tố bị can Th về “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, theo Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 07/3/2013, ra Quyết định truy nã đối bị can Th, ngày 08/4/2013 ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can Th, đến 10 giờ 30 phút ngày 22/8/2019 thì bắt được bị can Th, trả tự do lúc ngày 20 giờ ngày 22-8-2019 và áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30-8-2019. Sau đó, ra Quyết định đình nã và ngày 30/8/2019 ra Quyết phục hồi điều tra bị can Th và tại đây Th đã khai nhận toàn bộ hành vi như vừa đã nêu. Tuy nhiên, do chưa từng khởi tố vụ án và khởi tố bị can Th về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên hiện nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can Th.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Quách Th đã khai nhận, do có ý định chiếm đoạt tiền của người khác từ trước để trả nợ gấp nên lúc nghe tên Nguyễn Thị H (tên gọi khác là H và không rõ lai lịch) kêu photo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thật của nhà bị cáo tại số 85/16 ADV, khu phố 4, phường AL, quận BT đưa cho tên này nhờ người khác làm giả giống như Giấy chứng nhận thật với giá là 15.000.000 đồng rồi dùng thế chấp vay tiền thì bị cáo liền đồng ý và làm theo ngay. Đến khi có giấy giả, bị cáo đã 02 lần thế chấp cho bà Lý Thị U để vay tiền, trong đó *lần thứ nhất*, vay 70.000.000 đồng và đã trả nợ xong; *riêng đến lần thứ hai*, vay 80.000.000 đồng rồi sau đó vay thêm 20.000.000 đồng nên tổng cộng là 100.000.000 đồng. Do lần này không có tiền trả nợ cho bà U theo hạn nên bị cáo đã bán nhà, đi ở nhiều nơi khác nhau cho đến khi biết được bị bà U tố cáo và bị bắt truy nã nên nay bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Còn về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý trả lại cho bà U số tiền 100.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật theo như yêu cầu của bà U đưa ra.

Bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Quách Th ra trước Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đã nêu: Bị cáo Quách Th đã cấu kết với tên H làm giả Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở để thực hiện hành vi trái pháp luật là thế chấp vay rồi chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của bà Lý Thị U. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về lĩnh vực giấy tờ, tài liệu và con dấu là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử lý bị cáo bằng một mức án thật nghiêm thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nghĩ nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Do đó, giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (theo hướng có lợi cho bị cáo), xử phạt bị cáo với mức án từ 01 năm đến 02 năm tù về “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; riêng về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo thì do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên không xét. Còn về trách nhiệm dân sự, đề nghị giải quyết buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bà U số tiền 100.000.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận gì về hành vi đã bị truy tố, bị cáo cho rằng vì hoàn cảnh nợ nần nên mới làm như vậy, còn lời nói sau cùng thì xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra – Công an quận Bình Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét qua các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo Quách Th tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Vào tháng 4/2009, bị cáo đã thực hiện photo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thật của nhà bị cáo tại số 85/16 ADV, khu phố 4, phường AL, quận BT giao cho tên H làm giả giống như Giấy chứng nhận thật với giá là 15.000.000 đồng dùng để lừa dối thế

chấp vay và chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của bà Lý Thị U là thực hiện hành vi trái pháp luật.

Theo các Kết luận giám định số 209/KLGD-TT ngày 27/12/2012 của Phòng kỹ thuật hình sự-Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận đối với “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở” của UBND quận Bình Tân, đề tên Quách Th (SN 1953), ghi ngày 14/4/2009 (ký hiệu A) như sau:

- Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D QUẬN BÌNH TÂN – TP.HỒ CHÍ MINH” cần giám định trên tài liệu ký hiệu A với hình dấu tròn có cùng nội dung làm mẫu so sánh là không do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên “Huỳnh Văn B” cần giám định trên tài liệu ký hiệu A với chữ ký đồng chí Huỳnh Văn B – Phó chủ tịch UBND quận Bình Tân dùng làm mẫu so sánh là chữ không do cùng một người ký ra.

Như vậy, tuy hành vi phạm tội của bị cáo đã xảy ra trước 00 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2018 nhưng do điều luật quy định về mức hình phạt của tội danh này cùng với các tình tiết giảm nhẹ trong Bộ luật Hình sự năm 2015 so với điều luật tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì có lợi hơn cho bị cáo nên cần áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội để giải quyết vụ án này. Do đó, bị cáo Quách Th đã phạm “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định và cùng tất cả các tài liệu chứng khác có trong hồ sơ...nên đã đủ chứng cứ buộc tội bị cáo và lời đề nghị của Kiểm sát viên vừa nêu trên là có cơ sở chấp nhận. Còn đối với việc, tuy bị cáo còn có thêm hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là số tiền 100.000.000 đồng của bà Lý Thị U nhưng do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên không bị xử lý là có căn cứ. Riêng tên Nguyễn Thị H (tên gọi khác là H) là người cấu kết với bị cáo làm Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở giả thì do không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra còn đang tiếp tục truy xét cho đến khi nào phát hiện được sẽ xử lý sau.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã không những trực tiếp xâm hại đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về lĩnh vực giấy tờ, tài liệu và con dấu mà còn làm giảm xúc uy tín của cơ quan Nhà nước. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện và có thời gian dài trốn truy nã, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng nên cần phải áp dụng một mức án nghiêm khắc đối với bị cáo thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì, *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến*

50.000.000 đồng”; do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo bị cáo không có nghề nghiệp, quá tuổi lao động và không có điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tuy tại Tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị U đã có đơn xin vắng mặt nhưng theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và nội dung đơn thì bà U có yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà số tiền đã chiếm đoạt là 100.000.000 đồng và được bị cáo đồng ý là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về vật chứng: Tất cả đều là giấy tờ và phải lưu giữ theo hồ sơ nên không xét.

[7] Bị cáo Quách Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Quách Th phạm “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Về điều luật áp dụng và phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, phạt bị cáo Quách Th 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ đi 01 (một) ngày bị bắt truy nã (từ lúc 10 giờ 30 phút ngày 22-8-2019 đến 20 giờ cùng ngày).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 585, 586, 589 và 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Quách Th phải bồi thường thiệt hại cho bà Lý Thị U số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lý Thị U có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Quách Th chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm cho bà U tiền lãi theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Quách Th phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Quách Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị U

vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành dân sự cho bị cáo)

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND QBT;
- CA QBT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ –Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Ái